

THỰC TRẠNG NHU CẦU, ĐỘNG CƠ, LÝ DO KHÔNG TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG THỂ THAO CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở THỦ ĐÔ VIÊNG CHĂN - LÀO

Bounnuang Kamphengthong⁽¹⁾

Tóm tắt:

Mục đích của nghiên cứu này là khảo sát nhu cầu, động cơ, lý do khi tham gia các hoạt động thể thao của 367 học sinh 8 trường trung học phổ thông ở thủ đô Viêng Chăn - Lào. Kết quả chung cho thấy, môn thể thao được nhiều học sinh yêu cầu nhiều nhất là bơi lội và bóng rổ (11.7%), tiếp theo là các môn bóng đá, cờ vua, bóng chuyền và thể hình (9.26 – 9.81%). Động cơ học sinh tham gia thể thao là cảm thấy vui vẻ (81.47%), nâng cao thể lực (79.02%), học hỏi và nâng cao kỹ năng (66.76%), chơi cùng và kết bạn mới (64.31%) và kiểm tra bản thân với người khác (59.13%). Lý do phổ biến nhất mà học sinh không tích cực tham gia tập luyện thể thao: Quá nhiều bài tập về nhà (42.23%), không thích thể thao (32.43%), không có môn thể thao yêu thích (26.16%) và không thử sức vì học sinh nghĩ rằng mình không đủ giỏi để thực hiện (25.34%).

Từ khóa: Động cơ, hoạt động thể thao, học sinh, các yếu tố tạo động lực.

Current status of needs, motivations and reasons for participating in sports practice of high school students in Vientiane Capital - Laos

The purpose of this study is to survey the needs, motivations and reasons for participating in sports activities of 367 students from 8 high schools in Vientiane, Laos. The overall results show that the sport most requested by students is swimming and basketball (11.7%), followed by football, chess, volleyball and bodybuilding (9.26 – 9.81%). Students' motivation to participate in sports is to have fun (81.47%), boost power (79.02%), learn and improve skills (66.76%), play with and make new friends (64.31%) and test yourself against others (59.13%). The most common reason that students do not actively participate in sports practice: Too much homework (42.23%), dislike sports (32.43%), not having a favorite sport (26.16%) and not trying because students think they are not good enough to perform (25.34%).

Keywords: Motivation, sports activities, students, motivational factors.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể dục thể thao giúp duy trì sự phát triển tối ưu của cộng đồng. Trách nhiệm thúc đẩy học sinh tham gia tập luyện thể thao là yêu cầu hết sức cấp thiết, góp phần tích cực trong phát triển phong trào Olympic với các mục tiêu khác nhau (văn hóa, tôn giáo, thể thao). Do vậy, việc gia tăng học sinh tham gia tập luyện thể thao là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi tổ chức và không thể có tiến bộ nếu không có sự kiểm tra sự hiện diện của học sinh tham gia tập luyện thể thao và tăng cường khuyến khích học sinh tham gia thể thao rộng rãi hơn.

Để đáp ứng nhu cầu của các học sinh trong tập luyện thể thao, ngay từ đầu nên hiểu mong muốn của học sinh tham gia tập luyện thể thao ở môn thể thao nào? Động cơ tham gia? Và

những lý do không muốn tham gia hoặc cản trở việc tập luyện thể thao. Đặc biệt là động cơ tham gia tập luyện thể thao. Mỗi người có những cách hiểu khác nhau về định nghĩa động cơ, trong đó ý nghĩa của động cơ do Abraham Harold Maslow đề xuất thường được chấp nhận rộng rãi. Ông chỉ ra rằng động cơ là một trong những lý do để mọi người tham gia vào các hoạt động khác nhau (Chen, 2014).

Vì vậy, việc đánh giá thực trạng nhu cầu, động cơ, lý do khi tham gia tập luyện thể thao của học sinh trung học phổ thông (THPT) ở thủ đô Viêng Chăn - Lào là hết sức cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm; Phương pháp toán

⁽¹⁾NCS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Email: bounneuang76@gmail.com

học thống kê.

Nghiên cứu mong muốn, động cơ, lý do khi tham gia tập luyện thể thao của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào. Chúng tôi đã tổng hợp số lượng học sinh của 8 trường THPT: Viêng Chăn, Chanthabuly, Thông Pong, Chansavang, Nasaythong, Ý Lay, Na Fay, Somsavad. Tổng thể xác định quy mô mẫu với $N = 4493$ học sinh. Xác định cỡ mẫu theo ước lượng tổng thể trong trường hợp biết quy mô tổng thể với sai số cho phép ở ngưỡng 5% ($e = \pm 0.05$) theo công thức $n = N/(1+N \times e^2)$. Tuy nhiên, do điều kiện thực tế, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 440 học sinh. Kết quả thu về có 73 học sinh trả lời không tham gia tập luyện thể thao và 367 học sinh có tham gia tập luyện thể thao, trong đó có: 122 học sinh khối 10 (61 nam, 61 nữ), 122 học sinh khối 11 (66 nam, 56 nữ), 123 học sinh khối 12 (61 nam, 62 nữ).

Nghiên cứu đã sử dụng các bảng câu hỏi để xác định mức độ tham gia hoạt động thể thao

của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào. Nó cũng sẽ đối chiếu thông tin về các loại hoạt động mà học sinh muốn tham gia trong tương lai. Kết quả khảo sát được chia thành 3 nội chính. Nội dung đầu tiên cung cấp thông tin về những gì học sinh dự định để chơi và những gì học sinh muốn trường học của họ cung cấp (học sinh lựa chọn 1 đáp án duy nhất). Nội dung thứ hai xem xét động cơ tham gia tập luyện thể thao, bao hàm cả lý do tại sao học sinh chọn chơi một môn thể thao và tại sao họ chọn không chơi một môn thể thao nào (lựa chọn đa phương án). Nội dung thứ ba xem xét lý do không tích cực tham gia tập luyện thể thao của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (lựa chọn đa phương án).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Về mong muốn các môn thể thao được đưa vào tập luyện của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Mong muốn các môn thể thao được đưa vào tập luyện của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)

TT	Môn thể thao	Tổng kết quả (%)	Tỷ lệ %				
			Giới tính		Khối lớp		
			Nam	Nữ	10	11	12
1	Bóng đá	9.81	9.04	10.61	9.84	9.84	9.76
2	Bóng bàn	10.08	9.57	10.61	12.30	9.02	8.94
3	Cờ vua	9.54	5.85	13.41	8.20	11.48	8.94
4	Cầu lông	10.90	11.17	10.61	12.30	11.48	8.94
5	Bóng chuyền	9.26	9.04	9.50	9.84	9.02	8.94
6	Bơi lội	11.17	9.57	12.85	10.66	11.48	11.38
7	Thể hình	9.26	7.45	11.17	9.02	6.56	12.20
8	Điền kinh	8.17	6.38	10.06	8.20	8.20	8.13
9	Bóng rổ	11.17	17.55	4.47	8.20	12.30	13.01
10	Khiêu vũ	8.99	11.70	6.15	7.38	9.84	9.76
11	Môn thể thao khác	2.18	2.13	2.23	1.64	2.46	2.44

Từ kết quả ở bảng 1 thấy: Môn thể thao được nhiều học sinh các trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào yêu cầu nhiều nhất là bơi lội và bóng rổ (11.7%), tiếp theo là các môn bóng đá, cờ vua, bóng chuyền và thể hình (9.26 – 9.81%). Lựa chọn theo giới tính, thì các em nam mong muốn môn bóng rổ (17.55%), môn khiêu vũ (11.70%), môn cầu lông (11.17%); còn các em nữ mong

muốn môn cờ vua (13.41%), bơi lội (12.85%) và sau đó là các môn bóng đá, bóng bàn, cầu lông, thể hình, điền kinh (10.06 – 11.17%). Khi xem xét theo khối lớp, thì môn thể thao mong muốn có sự gia tăng cao nhất là bóng rổ, khối 10 (8.20%), đến khối 11 (12.30%) và đến lớp 12 là 13.01%. Sau đó là các môn bơi lội (11.38%) và thể hình (12.20%). Một số môn còn lại có tỷ lệ

Bảng 2. Động cơ tham gia tập luyện thể thao của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)

TT	Động cơ	Tổng kết quả (%)	Tỷ lệ %				
			Giới tính		Khối lớp		
			Nam	Nữ	10	11	12
1	Vui vẻ	81.47	81.91	81.01	79.51	81.15	83.74
2	Nâng cao thể lực	79.02	75.53	82.68	77.05	77.87	82.11
3	Học hỏi và nâng cao kỹ năng	66.76	67.55	65.92	64.75	67.21	68.29
4	Chơi cùng và kết bạn mới	64.31	67.02	61.45	63.93	63.93	65.04
5	Cạnh tranh (kiểm tra bản thân với người khác)	59.13	64.36	53.36	59.02	59.84	58.54
6	Chiến thắng trò chơi và chức vô địch	52.86	56.38	49.16	51.64	53.28	53.66
7	Sức khỏe cảm xúc và sức khỏe tinh thần	49.32	40.96	58.10	47.54	49.18	51.22
8	Cải thiện các nội dung đánh giá năng lực để xét tuyển đại học	42.23	40.96	43.58	40.98	43.44	42.28
9	Chuẩn bị cho bậc đại học	39.24	33.51	45.25	43.44	37.70	36.59
10	Tránh xa các tệ nạn xã hội	35.97	36.17	35.75	37.70	35.25	34.96
11	Làm cho gia đình tôi tự hào	34.60	37.23	31.84	32.79	32.79	38.21
12	Thuộc về một nhóm trong trường	34.33	28.19	40.78	36.89	31.97	34.15
13	Có một huấn luyện viên quan tâm đến tôi	28.88	30.85	26.82	29.51	27.87	29.27
14	Tiếp cận các cơ sở thể thao chất lượng	22.34	20.21	24.58	23.77	24.59	18.70

tương đồng giữa các khối lớp, tức là mong muốn đưa các môn thể thao này không khác nhau nhiều theo cấp lớp.

Tiếp theo là phân xem xét lý do tại sao học sinh muốn chơi thể thao cũng như những lý do họ liệt kê để không chơi thể thao. Đối với tất cả các số liệu trong phần này, tỷ lệ phần trăm sẽ có tổng lớn hơn 100%, vì học sinh có thể chọn nhiều phương án trả lời cho tất cả các câu hỏi. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 2.

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Xem xét các lý do học sinh chơi thể thao được liệt kê theo giới tính và khối lớp. Nhìn chung, những câu trả lời hàng đầu cho động cơ học sinh tham gia thể thao là cảm thấy vui vẻ (81.47%), nâng cao thể lực (79.02%), học hỏi và nâng cao kỹ năng (66.76%), chơi cùng và kết bạn mới (64.31%) và cạnh tranh (kiểm tra bản thân với người khác) (59.13%).

Đối với giới tính, có sự khác biệt trong một vài yếu tố thúc đẩy chính. Với nam giới, tỷ lệ chiến thắng trong các trò chơi (56.38% đối với nam, 49.16% đối với nữ) và cạnh tranh (64.36% đối với nam, 53.36% đối với nữ) cho thấy tỷ lệ

cao hơn ở học sinh nam, trong khi học sinh nữ có nhiều sức khỏe cảm xúc và sức khỏe tinh thần (58.01% đối với nữ, 40.96% đối với nam), thuộc về một nhóm trong trường (40.78% đối với nữ, 29.19% đối với nam) và chuẩn bị cho bậc đại học (45.25% đối với nữ, 33.51% đối với nam).

Tiếp theo là thông kê các lý do khác nhau mà học sinh liệt kê khi không tham gia tập luyện thể thao theo giới tính và khối lớp. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.

Từ kết quả thu được ở bảng 3 cho thấy: Những lý do phổ biến nhất mà học sinh không tích cực tham gia tập luyện thể thao: Quá nhiều bài tập về nhà (42.23%), không thích thể thao (32.43%), không có môn thể thao yêu thích (26.16%) và không thử sức vì học sinh nghĩ rằng mình không đủ giỏi để thực hiện (25.34%).

KẾT LUẬN

Các môn thể thao mà học sinh các trường THPT ở thủ đô Viêng Chăn - Lào mong muốn được đưa vào tập luyện nhiều nhất là: bơi lội và bóng rổ, tiếp theo là các môn bóng đá, cờ vua, bóng chuyền và thể hình. Trong đó, các học sinh nam mong muốn môn bóng rổ, khiêu vũ, môn

Bảng 3. Lý do không tích cực tham gia tập luyện thể thao của học sinh THPT ở thủ đô Viêng Chăn – Lào (n = 367)

TT	Lý do	Tổng kết quả (%)	Tỷ lệ %				
			Giới tính		Khối lớp		
			Nam	Nữ	10	11	12
1	Quá nhiều bài tập về nhà	42.23	40.96	43.58	44.26	40.98	41.46
2	Tôi không thích thể thao	32.43	32.98	31.84	29.51	33.61	34.15
3	Không có môn thể thao yêu thích	26.16	24.47	27.93	26.23	26.23	26.02
4	Tôi không thử vì tôi không nghĩ mình đủ giỏi	25.34	25.53	25.14	25.41	25.41	25.20
5	Lịch làm việc	22.07	21.81	22.35	22.13	22.13	21.95
6	Trách nhiệm gia đình	20.16	23.94	16.20	19.67	18.85	21.95
7	Tôi không cảm thấy được chào đón	13.35	9.57	17.32	13.11	13.11	13.82
8	Bạn bè của tôi không chơi	13.35	12.77	13.97	9.02	13.93	17.07
9	Không đủ kinh phí	12.53	12.23	12.85	18.03	12.30	7.32
10	Trở ngại giao thông	11.44	9.57	13.41	12.30	12.30	9.76
11	Sợ bị thương hoặc bệnh tật	11.72	13.30	10.06	13.11	11.48	10.57
12	Tôi không thích các huấn luyện viên	7.08	7.45	6.70	7.38	7.38	6.50
13	Chấn thương trước đây	7.08	6.91	7.26	6.56	7.38	7.32
14	Tôi mặc cảm vì hình thể/giới tính của mình	4.09	6.38	1.68	2.46	5.74	4.07
15	Tôi không giúp gì được cho đội tuyển	3.27	3.19	3.35	2.46	4.10	3.25
16	Tôi không đủ tự tin	3.00	2.13	3.91	1.64	4.10	3.25
17	Không phù hợp với tình trạng khuyết tật/bệnh lý của tôi	1.91	1.60	2.23	1.64	1.64	2.44

cầu lông; còn các học sinh nữ mong muốn môn cờ vua, bơi lội, sau đó là các môn bóng đá, bóng bàn, cầu lông, thể hình, điền kinh. Môn thể thao có sự gia tăng cao nhất là bóng rổ, sau đó là các môn bơi lội và thể hình.

Động cơ mà học sinh liệt kê khi tham gia tập luyện thể thao chủ yếu gồm: vui vẻ, nâng cao thể lực, học tập và nâng cao kỹ năng, chơi và kết bạn mới, và cạnh tranh (kiểm tra bản thân với người khác).

Lý do phổ biến nhất mà học sinh không tích cực tham gia tập luyện thể thao gồm: Quá nhiều bài tập về nhà, không thích thể thao, không có môn thể thao yêu thích và không thử sức vì học sinh nghĩ rằng mình không đủ giỏi để thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Ngọc Viễn (2012), *Tâm lý học TĐTT*, Nxb TĐTT.
2. Allen J (2003), “Social Motivation In Youth Sport”, *Journal Of Sport & Exercise*

Psychology, 1-17.

3. Chen Y (2014), “The Investigation on Motivation of Female College Students for Sports Activities Participation and the Countermeasure on Sport Consciousness Cultivation. World”, 203, 62.

4. Ehsan Sanaeifar¹, Shahram Abdi, Seyed Mohamad Hosein Razavi, Mohammad Ghamati, Farzam Farzan (2015), “Surveying Motivation of students to participate in sport activities”, *International Journal of Sport Studies*. Vol., 5 (5), 553-558, 2015 Available online at <http://www.ijssjournal.com> ISSN 2251-7502 © 2015; Science Research.

5. Siavoshani et al (2010), “Study of students’ motivation for doing physical activities”, *World Applied Sciences Journal*, 10 (3), 322-326.

(Bài nộp ngày 17/3/2023, phản biện ngày 23/3/2023, duyệt in ngày 20/4/2023)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại góp phần tích cực nâng cao chất lượng dân số Việt Nam

6. Trương Anh Tuấn

Một số suy nghĩ về đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao

11. Nhật Minh

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh tập trung nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030

BÀI BÁO KHOA HỌC

13. Nguyễn Văn Phúc

Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

19. Bùi Việt Hà

Kinh nghiệm huy động nguồn tài chính của các câu lạc bộ Bóng đá chuyên nghiệp trên thế giới và bài học đối với Bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam

23. Nguyễn Bá Hòa

Lựa chọn giải pháp ứng dụng thể dục thể thao thích ứng cho người khuyết tật ở thành phố Hà Nội

26. Đào Thị Phương Chi

Hiệu quả mô hình giáo dục thể chất theo nhu cầu người học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

31. Trần Văn Tùng

Thực trạng công tác thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

37. Bounnuang Kamphengthong

Thực trạng nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia các hoạt động thể thao của học sinh trung học phổ thông ở Thủ đô Viêng Chăn - Lào

41. Ngô Mạnh Cường

Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

46. Nguyễn Hải Tùng

Đánh giá thực trạng thể lực chung của nam sinh viên Trường Đại học luật Hà Nội

49. Hoàng Sỹ Trung

Thực trạng mức độ hứng thú học tập các học phần kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

52. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Thị Thu Hiền; Lê Đức Anh

Xác định tiêu chí đánh giá kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

57. Phạm Thế Vượng; Nguyễn Tất Tuấn

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dạy học trực tuyến cho sinh viên chuyên ngành Bóng chuyền, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

63. Nguyễn Thị Hà; Đào Thị Hoa Quỳnh

Thực trạng động cơ học tập Thể dục thể thao của sinh viên Đại học Thái Nguyên

66. Nguyễn Thị Thảo Mai, Nguyễn Đình Chung

Thực trạng huấn luyện sức mạnh tốc độ cho nam vận động viên Cầu lông lứa tuổi 14-15 tỉnh Bắc Giang

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

70. Trần Đức Thọ

Thể thao người khuyết tật Việt Nam tích cực chuẩn bị tham dự Asean Para Games 12 và Asian Para Games 4

72. Vũ Trọng Lợi

Tiếp tục phát triển Yoga Việt Nam

77. Phạm Tuấn Dũng; Phạm Việt Hà

Bài tập nâng cao thể lực với tạ tay

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

The movement of the whole people to exercise their bodies following the example of the great Uncle Ho contributed positively to improving the quality of Vietnam's population

6. Truong Anh Tuan

Some thoughts on human resource training in sport

11. Nhat Minh

Bac Ninh Sports University focuses on improving the capacity of lecturers and managers to meet the requirements of fundamental and comprehensive renovation of education and training in the period of 2019 - 2030

ARTICLES

13. Nguyen Van Phuc

Current status of legal risks in sport activities in Vietnam

19. Bui Viet Ha

Experience in mobilizing financial resources of professional football clubs in the world and lessons for Vietnamese professional football

23. Nguyen Ba Hoa

Selection of adaptive sports application solutions for people with disabilities in Hanoi City

26. Dao Thi Phuong Chi

Effectiveness of the model of physical education according to the needs of learners at Hanoi Capital University

31. Tran Van Tung

Actual situation of extracurricular sports activities of students at Hanoi Capital University

37. Bounnuang Kamphengthong

Current status of needs, motivations and reasons for participating in sports practice of high school students in Vientiane Capital - Laos

41. Ngo Manh Cuong

Measures to improve the effectiveness of teaching and learning Physical Education for students University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

46. Nguyen Hai Tung

Assessment of the general physical condition of male students at Hanoi Law University

49. Hoang Sy Trung

Current status of interest in learning complementary knowledge modules in the training program of students majoring in Physical Education, Hong Duc University

52. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Thi Thu Hien; Le Duc Anh

Determination of soft skills assessment criteria for students of Bac Ninh University of Physical Education and Sports

57. Pham The Vuong; Nguyen Tat Tuan

Actual situation of factors affecting the quality of online teaching for students majoring in Volleyball, Bac Ninh Sports University

63. Nguyen Thi Ha; Dao Thi Hoa Quynh

Current status of students' motivation to study physical education at Thai Nguyen University

66. Nguyen Thi Thao Mai, Nguyen Dinh Chung

Current status of speed strength training for male Badminton players aged 14-15 in Bac Giang province

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

70. Tran Duc Tho

Sports for people with disabilities in Vietnam actively prepares to participate in Asean Para Games 12 and Asian Para Games 4

72. Vu Trong Loi

Continue to develop Vietnamese Yoga

77. Pham Tuan Dung; Pham Viet Ha

Strength training with dumbbells

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

**Số 2 -2023
(75)**

